

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 3 năm 2023
V/v: Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Quyết.

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông: Trần Thành Vân.
- Ông: Lò Văn Thôn.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quang Hùng – Thư ký tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 34/2022/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc: Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/QĐST-HNGĐ, ngày 03 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đỗ Xuân B, sinh năm 1974, địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Đào Bích L, sinh năm 1980, nơi ĐKKHKT: Bản Q, xã C, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La: Cư trú tại: Bản H, xã C, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai ngày 21/12/2022 nguyên đơn anh Đỗ Xuân B trình bày:

Anh và chị L qua thời gian tìm hiểu kết hôn với nhau từ tháng 4 năm 1998, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Sông Mã,

tỉnh Sơn La. Việc kết hôn được hai bên gia đình tổ chức theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 04 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, do trong quá trình chung sống tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2002 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh B có đơn đề nghị xin ly hôn chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Xuân T, sinh ngày 20/3/1999. Nay con đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung; nợ chung: Không kê khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Đào Bích L: Trong quá trình giải quyết vụ án chị L không hợp tác. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần và trực tiếp giao các văn bản tố tụng cho chị L, nhưng chị L không nhận. Tòa án đã lập biên bản và niêm yết các văn bản tố tụng tại địa phương, chị L biết được việc Tòa án triệu tập nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại toà.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã phát biểu ý kiến:

- Về quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Quá trình xét xử Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của Pháp luật và các thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ thời điểm thụ lý vụ án; bị đơn đã được tổng đạt các thủ tục tố tụng theo quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Anh B và chị L có đăng ký kết hôn vào năm 1998, trên cơ sở tự nguyện do UBND xã C, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La cấp giấy đăng ký kết hôn, căn cứ các điều 8, 9 luật hôn nhân gia đình về điều kiện đăng ký kết hôn thì đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn chính của vợ chồng là do tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung và đang sống ly thân, quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh B và chị L đã trầm trọng, việc nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn cần căn cứ vào khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân gia đình ly hôn theo yêu cầu một bên. Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đỗ Xuân B, xử cho anh Đỗ Xuân B được ly hôn với chị Đào Bích L.

+ Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Xuân T, sinh ngày 20/3/1999. Nay con đã trưởng thành lập gia đình ở riêng nên không đề nghị giải quyết.

+ Về tài sản chung; nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

+ Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên tài liệu hồ sơ vụ án, kết quả tại biên bản tiến hành hòa giải một bên, các chứng cứ đã thu thập. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền, tố tụng:

- Bị đơn chị Đào Bích L có hộ khẩu thường trú tại bản Quyết Thắng, xã Chiềng Khương, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Trong suốt quá trình tố tụng: Chị Đào Bích L không có sự hợp tác. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần và trực tiếp cùng chính quyền địa phương giao các văn bản tố tụng cho chị L nhưng chị L vẫn gây khó khăn và cố tình vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

- Tòa án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử và hồ sơ cho viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Xuân B kết hôn với chị Đào Bích L trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định: Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống anh B và chị L sống không hạnh phúc, cuộc sống luôn bất hoà, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh B và chị L đã sống ly thân từ năm 2002 cho đến nay. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình xác định mâu thuẫn của anh B và chị L đã quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh B xin ly hôn với chị L là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B đối với chị L.

[3] Về con chung: Anh B và chị L có 01 con chung là Đỗ Xuân T, sinh ngày 20/3/1999. Nay cháu đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Anh B không kê khai và không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 70, khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 25 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Đỗ Xuân B. Xử cho anh Đỗ Xuân B ly hôn chị Đào Bích L.

2. Về án phí: Anh Đỗ Xuân B phải chịu án phí xin ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/ 0002449 ngày 21/12/2022 , tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Sông Mã;
- THADS huyện Sông Mã;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Lường Văn Quyết